

(Vụ án có 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017 đến đầu năm 2019, Bùi Thị Kim N vay tiền của nhiều đối tượng xã hội (không rõ lai lịch) để chi tiêu cá nhân, dẫn đến nợ hơn 600.000.000 đồng và mất khả năng thanh toán. Để có tiền trả nợ, N nhờ bạn là bà Ngô Thị H1 giới thiệu người khác để N vay tiền, với lý do trả tiền mua đất tại thành phố T. Tin lời N, ngày 04-10-2019, bà H1 dẫn N đến nhà bà Huỳnh Thị Mộng L để hỏi vay tiền. Khi gặp bà L, N nói là cần trả tiền mua đất và đưa cho bà L xem bản Photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS053151 đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 91, diện tích 92,5 m² tại phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên mà N đã mua của bà Nguyễn Thị Bích T vào tháng 6-2019, với giá 950.000.000 đồng, nhưng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng là 50.000.000 đồng; đồng thời, N hứa sẽ cho bà L 5.000.000 đồng và trả tiền gốc, tiền lãi đầy đủ trong vòng 01 tháng. Tin lời N nói là sự thật, bà L đã vay 350.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H2 rồi đưa cho N vay lại với lãi suất 06%/tháng. N nhận tiền và đưa bà L 5.000.000 đồng như đã hứa rồi viết Giấy vay tiền, N sử dụng tiền vay được để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Ngày 12-10-2019, N tiếp tục đến gặp bà L hỏi vay 50.000.000 đồng, với lý do làm thủ tục vay tiền Ngân hàng, hứa hẹn trả trong vòng 1 tháng. Tin lời N, bà L vay 50.000.000 đồng từ bà H2 rồi đưa N vay với lãi suất 06%/tháng. N nhận tiền và viết nội dung nhận thêm 50.000.000 đồng vào Giấy vay tiền đã viết ngày 04-10-2019. Sau khi nhận tiền, N sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến hạn trả nợ, bà L nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng N không trả tiền cho bà L như đã thỏa thuận.

Ngày 01-11-2019, N ký hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 92,5 m² tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 91 tại phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho ông Đinh Văn T1 với giá 950.000.000 đồng nhưng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng là 600.000.000 đồng. Ngày 11-11-2019, N đến gặp bà L vay 120.000.000 đồng để trả nợ, bà L đồng ý; đồng thời, N và bà L thỏa thuận ký Giấy chuyển nhượng diện tích đất nói trên với giá 800.000.000 đồng để trừ nợ, nhưng khi đến Văn phòng C2 để làm thủ tục chuyển nhượng thì không được, nên bà L không mua diện tích đất này nữa. Do không có tiền trả nợ, nên N cố tình trốn tránh, thay số điện thoại và bỏ đi cư trú nhiều nơi ở tỉnh Phú Yên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 08-9-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bùi Thị Kim N 09 (**chín**) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-4-2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19-9-2023, Bùi Thị Kim N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 19-9-2023, Bùi Thị Kim N kháng cáo xin giảm hình phạt; đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Bùi Thị Kim N giữ nguyên kháng cáo, đề nghị giảm hình phạt; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên từ ngày 04-10-2019 đến ngày 12-10-2019, Bùi Thị Kim N nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để vay rồi chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị Mộng L 400.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an địa phương; do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tự cải tạo, sửa chữa là điều cần thiết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 (chín) năm tù là thỏa đáng.

Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, sau khi phạm tội không tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả. Do đó, để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Kim N.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 08-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bùi Thị Kim N 09 (**chín**) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-4-2023.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Bùi Thị Kim N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Công an huyện Sông Hinh
(02 bản, để giao cho bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường